

KNOWLEDGE AND PRACTICE OF OCCUPATIONAL HEPATITIS B VIRUS PREVENTION OF HEALTH WORKERS IN VAN CHAN HEALTH CENTER, LAO CAI PROVINCE IN 2025

Nguyen Ngoc Nghia^{1*}, Dang Đức Nhu¹, Luong Thi Phuong Lan¹,
Pham Xuan Đa¹, Nguyen Dinh Lien²

¹University of Medicine and Pharmacy – Vietnam National - University - 144 Xuan Thuy, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam

²Van Chan Health Centre - Thuong Bang La commune, Lao Cai province, Vietnam

Received: 30/09/2025

Revised: 04/10/2025; Accepted: 19/11/2025

ABSTRACT

Objective: The study aims to describe the current status of knowledge and practices in preventing occupational hepatitis B virus infection and to identify some related factors in health workers at Van Chan Health Centre, Lao Cai province in 2025.

Subjects and methods: 400 health workers (including doctors, nurses, technicians) of this Health Centre were involved in this study. A cross-sectional descriptive research method was used, through interviews with health workers at September 2025.

Results: The good general knowledge and practice of healthcare workers are 69.5% and 64.25%, respectively. Regarding the knowledge: 76.75% of health workers in the concept of hepatitis B virus, 81.5% knowing the causative agent, 87.25% knowing the infection route. About the practices: 54.5% ensuring safe injections 48.5% classifying and disposing waste according to regulations 78.25% having periodic health check-ups 66.25% being vaccinated against hepatitis B. The knowledge and the practice on preventing occupational hepatitis B virus are related to age (OR=3.7; $p<0.05$ and OR=3.9; $p<0.05$, respectively) and number of employment year (OR=1.9; $p<0.05$ and OR=1.74; $p<0.05$, respectively). There is a relationship between knowledge and practice on prevention of occupational hepatitis B virus (OR=4.1; $p<0.05$).

Conclusion: It is necessary to strengthen communication activities to improve knowledge and practice of hepatitis B virus prevention to help health workers having skills of infection prevention during professional practice.

Key word: Hepatitis B virus prevention, Knowledge, Practices.

*Corresponding author

Email: nghiakhnh2016@gmail.com Phone: (+84) 915958675 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3805>

Kiến thức và thực hành phòng chống bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp của nhân viên y tế tại Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn tỉnh Lào Cai năm 2025

Nguyễn Ngọc Nghĩa^{1*}, Đặng Đức Nhu¹, Lương Thị Phương Lan¹,
Phạm Xuân Đà¹, Nguyễn Đình Liên²

¹Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn - xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Ngày nhận bài: 30/09/2025

Ngày chỉnh sửa: 04/10/2025; Ngày duyệt đăng: 19/11/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành phòng chống bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp và xác định một số yếu tố liên quan ở nhân viên y tế tại Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai năm 2025.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 400 nhân viên y tế (bao gồm bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên) của Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn tham gia nghiên cứu. Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang, thông qua phỏng vấn nhân viên y tế tại thời điểm tháng 9 năm 2025.

Kết quả: Kiến thức và thực hành đạt về phòng bệnh viêm gan virus B nghề nghiệp của nhân viên y tế chiếm 69,5% và 64,25%. Về kiến thức: Nhân viên y tế hiểu biết về khái niệm bệnh viêm gan vi rút B chiếm 76,75%, biết tác nhân gây bệnh chiếm 81,5%, đường lây nhiễm virus chiếm 87,25%. Về thực hành phòng bệnh: 54,5% nhân viên y tế đảm bảo an toàn tiêm truyền 48,5% phân loại và xử lý rác thải đúng quy định 78,25% được khám sức khỏe định kỳ và 66,25% được tiêm phòng vắc xin viêm gan B. Kiến thức và thực hành chung của nhân viên y tế có mối liên quan với tuổi đời ($OR=3,7$; $p<0,05$ và $OR=3,9$; $p=0,05$) và tuổi nghề ($OR=1,9$; $p<0,05$ và $OR=1,74$; $p<0,05$). Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành về phòng bệnh viêm vi rút B nghề nghiệp ($OR=4,1$; $p<0,05$).

Kết luận: Cần tăng cường các hoạt động truyền thông nâng cao kiến thức và thực hành phòng bệnh viêm gan virus B nghề nghiệp để giúp cho nhân viên y tế trong toàn Trung tâm có kỹ năng phòng tránh lây nhiễm bệnh trong quá trình thực hiện chuyên môn đạt hiệu quả.

Từ khóa: Phòng bệnh viêm gan virus B nghề nghiệp, kiến thức, thực hành.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm gan vi rút B là một bệnh truyền nhiễm rất phổ biến và nguy hiểm, là vấn đề y tế nghiêm trọng có tính chất toàn cầu. Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới, có khoảng 1,5 tỷ người nhiễm vi rút viêm gan B (HBV) và có 35% ca nhiễm HBV là do nghề nghiệp [1]. Bệnh viêm gan B đang có xu hướng gia tăng, mặc

dù đã có vắc xin phòng bệnh nhưng bệnh HBV vẫn đang là gánh nặng cho ngành y tế và người bệnh vì các loại thuốc chỉ có tác dụng kìm hãm sự nhân lên của vi rút mà không có khả năng tiêu diệt loại vi rút này [2]. HBV lây truyền chủ yếu qua đường máu, quan hệ tình dục không an toàn và lây truyền từ mẹ

*Tác giả liên hệ

Email: nghiakhanh2016@gmail.com Điện thoại: (+84) 915958675 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD21.3805>

sang con. Đối với nhân viên y tế thì lây nhiễm HBV trong môi trường làm việc là một nguy cơ bệnh nghề nghiệp [3]. Nhóm có nguy cơ cao bao gồm: nhân viên phòng xét nghiệm, nha sĩ, nhân viên làm công tác cấp cứu, nhân viên xử lý rác thải, nhân viên y tế ở phòng khám bệnh, khoa phẫu thuật ... Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Trong tổng số 40 triệu nhân viên y tế thì mỗi năm có khoảng 40% bị phơi nhiễm viêm gan B, do kim đâm. Tại Việt nam có khoảng 20% trong tổng số 500.000 nhân viên y tế có nguy cơ lây nhiễm HBV trong các cơ sở y tế [3]. Viêm gan là một bệnh nhiễm trùng do virus xâm nhập vào gan và có thể gây ra bệnh viêm gan cấp tính và mạn tính. Nếu không điều trị tốt sẽ tiến triển thành xơ gan và ung thư gan [4]. Bệnh có thể lây nhiễm từ bệnh nhân mắc bệnh sang nhân viên y tế trong quá trình thăm khám, điều trị. Để phòng tránh bệnh hiệu quả thì kiến thức và thực hành tốt của nhân viên y tế sẽ làm giảm tỷ lệ mắc bệnh[5]. Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn là cơ sở khám chữa bệnh, hiện có khoảng 400 nhân viên y tế đang trực tiếp tham gia khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vì thế cần phải có kiến thức và thực hành tốt để phòng tránh lây nhiễm viêm gan vi rút B. Từ những lý do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài **“Kiến thức và thực hành phòng chống bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp ở nhân viên y tế tại Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai năm 2025”**, với mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành phòng chống viêm gan vi rút B nghề nghiệp và xác định một số yếu tố liên quan ở nhân viên y tế tại Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai năm 2025.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa điểm: Tại Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai

- Thời gian: Từ tháng 7/2025 đến tháng 10/2025

2.3. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Là nhân viên y tế (Bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên) đang công tác tại Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai năm 2025, có khả năng giao tiếp tốt.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Cán bộ không có chuyên môn y tế, người không có mặt tại thời điểm nghiên cứu hoặc đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế, không đồng ý tham gia.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- **Cỡ mẫu:** Tính theo công thức:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \cdot p \times (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là cỡ mẫu tối thiểu.

$Z_{1-\alpha/2}$ là hệ số tin cậy ($Z_{1-\alpha/2} = 1,96$).

α là mức ý nghĩa thống kê ($\alpha = 0,05$); d là mức sai số tuyệt đối chấp nhận ($d = 0,05$).

p là tỉ lệ kiến thức và thực hành chưa tốt của NVYT = 0,5 (vì chưa có nghiên cứu nào về lĩnh vực này trên địa bàn).

Thay vào công thức tính được cỡ mẫu tối thiểu $n=384$ và làm tròn là 400.

- Phương pháp chọn mẫu:

Chọn toàn bộ nhân viên y tế có chức danh là Bác sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật viên hiện đang trực tiếp thăm khám, điều trị và chăm sóc bệnh nhân tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, phòng khám, các cơ sở khám chữa bệnh thuộc Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai. Hiện tại số nhân viên y tế của Trung tâm y tế là 400 đủ điều kiện tham gia nghiên cứu.

2.5. Biến số nghiên cứu

Giới tính, nhóm tuổi, chức danh nhân viên y tế, các kiến thức về bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp và kiến thức chung đạt, các thực hành phòng bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp và thực hành chung đạt, một số yếu tố liên quan với kiến thức và thực hành chung.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và qui trình thu thập số liệu

- Thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp nhân viên y tế qua bộ câu hỏi soạn sẵn

- Đánh giá về kiến thức và thực hành phòng chống bệnh viêm gan virus B: Căn cứ vào mức độ hiểu biết của nhân viên y tế để tính điểm các câu hỏi phỏng vấn về kiến thức và thực hành. Câu trả lời đúng tính 01 điểm, tổng số câu hỏi mỗi phần là 10 câu, tính bằng 10 điểm. Mức độ đánh giá đạt là từ 7 điểm trở lên (70%), mức độ chưa đạt có điểm số dưới 7 điểm (<70%).

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Làm sạch số liệu, nhập số liệu vào phần mềm thống kê Excel và phân tích trên Stata 17.0. Thống kê mô tả: sử dụng tần suất và tỷ lệ (%). Thống kê phân tích tìm mối liên quan: Mức ý nghĩa thống kê với $p<0,05$, tỷ

suất chênh OR, khoảng tin cậy 95%CI, sử dụng Test thống kê Chi bình phương (Chi2)

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Giải thích rõ mục tiêu phỏng vấn cho nhân viên y tế

biết và tham gia. Nhân viên y tế được tư vấn, hướng dẫn biện pháp phòng tránh viêm gan vi rút B. Đảm bảo bí mật các nội dung đã phỏng vấn và mục đích chính là để nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng kiến thức và thực hành phòng chống bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp

Bảng 1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu theo giới tính

Chức danh chuyên môn	Nam		Nữ		Cộng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Bác sĩ	41	56,16	32	43,84	73	18,25
Điều dưỡng	95	36,26	167	63,74	262	65,5
Kỹ thuật viên	27	41,54	38	58,46	65	16,25
Cộng	163	40,75	237	59,25	400	100,00

Số nhân viên y tế tham gia là nam giới chiếm 40,75%, nữ chiếm 59,25%. Bác sĩ là 18,25%, trong đó nam chiếm 56,16%, nữ 43,84%. Điều dưỡng là 65,5%, trong đó nam chiếm 36,26%, nữ 63,74%.

Bảng 2: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi và giới tính

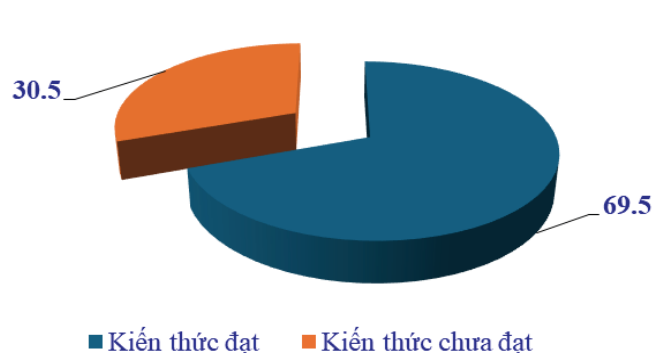
Nhóm tuổi	Nam		Nữ		Cộng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 30 tuổi	30	41,67	42	58,33	72	18,00
Từ 31-40 tuổi	48	44,04	61	55,96	109	27,25
Từ 41-50 tuổi	54	41,86	75	58,14	129	32,25
Trên 50 tuổi	31	34,44	59	65,56	90	22,5
Cộng	163	40,75	237	59,25	400	100

Nhân viên y tế nhóm tuổi 41-50 chiếm tỷ lệ cao nhất 32,25%. Thấp nhất là nhóm tuổi dưới 30 chiếm 18%. Nhóm tuổi 31-40 chiếm 27,25%.

Bảng 3. Kiến thức đạt về bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp của nhân viên y tế (n=400)

Kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ %
Khái niệm về bệnh viêm gan virus B nghề nghiệp	307	76,75
Tác nhân gây bệnh	326	81,50
Đường lây nhiễm bệnh	349	87,25
Đối tượng có khả năng bị nhiễm bệnh	309	77,25
Thời gian tiếp xúc tối thiểu	210	52,50
Thời gian bảo đảm với viêm gan virus B cấp và mãn	151	37,75
Chẩn đoán xác định bệnh	275	68,75
Chẩn đoán phân biệt	158	39,50
Phương pháp điều trị chính	234	58,50
Cách phòng lây nhiễm bệnh	216	54,00

Nhân viên y tế hiểu biết về đường lây bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất 87,25%, hiểu biết về tác nhân gây bệnh là vi rút viêm gan B chiếm 81,5%. Tỷ lệ thấp nhất là hiểu biết về thời gian bảo đảm chiếm 37,75%.

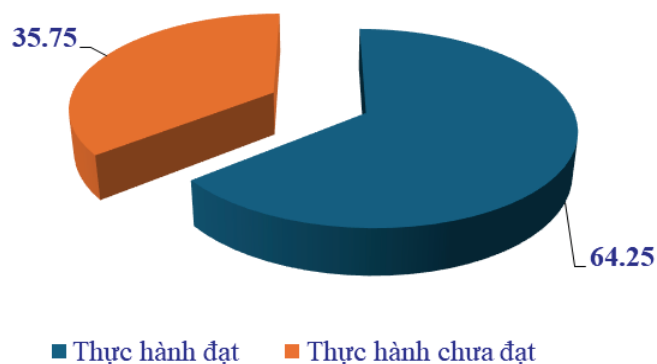
**Biểu đồ 1: Kiến thức chung của nhân viên y tế về bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp**

Kiến thức chung đạt về bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp ở nhân viên y tế chiếm 69,50% và kiến thức chung chưa đạt chiếm 30,50%

Bảng 4. Thực hành phòng bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp của nhân viên y tế (n=400)

Thực hành đạt	Số lượng	Tỷ lệ %
Trang bị đầy đủ bảo hộ khi khám bệnh	351	87,75
Thực hiện đúng qui trình khi lấy máu xét nghiệm	287	71,75
Đảm bảo an toàn trong tiêm truyền	218	54,50
Phân loại và xử lý rác thải theo qui định	194	48,50
Khám sức khỏe định kỳ	313	78,25
Tiêm phòng vắc xin viêm gan virus B	265	66,25
Khi mắc bệnh phải điều trị sớm	186	46,50
Tuân thủ qui trình và phương pháp điều trị	176	44,00
Sử dụng thuốc điều trị viêm gan vi rút B	207	51,75
Chế độ ăn uống hàng ngày khi bị nhiễm viêm gan B	221	55,25

Thực hành của nhân viên y tế về bảo hộ lao động khi khám chữa bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất 87,75%, khám sức khỏe định kỳ chiếm 78,25%, chế độ ăn uống hàng ngày 55,25%. Thấp nhất là tuân thủ qui trình và phương pháp điều trị chiếm 44,0%,

**Biểu đồ 2: Thực hành chung của nhân viên y tế về phòng bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp**

Thực hành chung đạt của nhân viên y tế về phòng bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp chiếm 64,25% và chưa đạt chiếm 35,75%

3.2. Một số yếu tố liên quan với kiến thức và thực hành chung của nhân viên y tế

Bảng 5. Mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm đối tượng với kiến thức chung về bệnh viêm gan vi rút B

Yếu tố	Nhóm	Kiến thức đạt		Kiến thức chưa đạt		OR, 95%CI, p, chi2*
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Giới tính	Nam	118	72,39	45	27,61	OR=0,8, 0,49-1,25 p=0,29; chi2=1,09
	Nữ	160	67,51	77	32,49	
Tuổi đời	Dưới 40	99	54,70	82	45,30	OR=3,7, 2,30-5,98 p=0,000; chi2=34,2
	Trên 40	179	81,74	40	18,26	
Tuổi nghề	Dưới 15 năm	121	62,37	73	37,63	OR=1,9, 1,22-3,05 p=0,000; chi2=9,03
	Trên 15 năm	157	76,21	49	23,79	
Chuyên môn	ĐD + KTV	225	68,81	102	31,19	OR=1,2, 0,66-2,23 p=0,52; chi2=0,41
	Bác sĩ	53	72,60	20	27,40	

* Test Chi bình phương

Có mối liên quan giữa kiến thức với tuổi đời. Những nhân viên y tế có tuổi đời dưới 40 tuổi thì có kiến thức chưa đạt về bệnh HPV cao gấp 3,7 lần so với những nhân viên trên 40 tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Có mối liên quan giữa kiến thức với

tuổi nghề. Những nhân viên y tế có tuổi nghề dưới 15 năm thì sẽ có kiến thức chưa đạt về bệnh cao gấp 1,9 lần so với những nhân viên có tuổi nghề trên 15 năm, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 6. Mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm đối tượng với thực hành phòng chống bệnh viêm gan virus B

Yếu tố	Nhóm	Thực hành đạt		Thực hành chưa đạt		OR, 95%CI, p, chi2*
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Giới tính	Nam	99	60,74	64	39,26	OR=1,3, 0,83-1,99 p=0,22; chi2=1,48
	Nữ	158	66,67	79	33,33	
Tuổi đời	Dưới 40	86	47,51	95	52,49	OR=3,9; 2,49-6,21 p=0,000; chi2=40,3
	Trên 40	171	78,08	48	21,92	
Tuổi nghề	Dưới 15 năm	112	57,73	82	42,27	OR=1,74; 1,12-2,68 p= 0,008; chi2=6,9
	Trên 15 năm	145	70,39	61	29,61	
Chuyên môn	ĐD + KTV	214	65,44	113	34,56	OR=0,75; 0,43-1,32 p= 0,29; chi2=1,11
	Bác sĩ	43	58,90	30	41,10	

* Test Chi bình phương.

Có mối liên quan giữa thực hành với tuổi đời. Những nhân viên y tế có tuổi đời dưới 40 tuổi thì có thực hành chưa đạt về phòng bệnh HPV cao gấp 3,9 lần so với những nhân viên trên 40 tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Có mối liên quan giữa

thực hành với tuổi nghề. Những nhân viên y tế có tuổi nghề dưới 15 năm thì sẽ có thực hành chưa đạt về phòng bệnh cao gấp 1,74 lần so với những nhân viên có tuổi nghề trên 15 năm, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 7. Mối liên quan giữa kiến thức với thực hành phòng bệnh viêm gan vi rút B

Yếu tố	Nhóm	Thực hành đạt		Thực hành chưa đạt		OR, 95%CI, p, chi2*
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Kiến thức	Chưa đạt	50	40,98	72	59,02	OR=4,1; 2,61-6,75 p= 0,000; chi2=41,3
	Đạt	207	74,46	71	25,54	
	Cộng	257	64,25	143	35,75	

* Test Chi bình phương.

Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành. Những nhân viên có kiến thức chưa đạt thì sẽ có tỷ lệ thực hành phòng bệnh chưa đạt cao gấp 4,1 lần so với những nhân viên y tế có kiến thức đạt, ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng kiến thức và thực hành phòng chống bệnh viêm gan vi rút B.

Tại bảng 1 cho thấy, nhân viên y tế tham gia nghiên cứu là điều dưỡng/y sĩ chiếm tỷ lệ cao nhất 65,5%, sau đó là Bác sĩ chiếm 18,25%, Kỹ thuật viên chiếm 16,25%. Trong tổng số nhân viên y tế tham gia là nam giới chiếm 40,75%, nữ chiếm 59,25%. Nhân viên y tế nhóm tuổi 41-50 chiếm tỷ lệ cao nhất 32,25%. Thấp nhất là nhóm tuổi dưới 30 chiếm 18,0%. Tại bảng 3 cho thấy nhân viên y tế hiểu biết về đường lây bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất 87,25%, hiểu tác nhân gây bệnh là vi rút viêm gan B chiếm 81,5%. Biểu đồ 1 cho thấy mức độ kiến thức đạt chiếm 69,5%, Kết quả này thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Khánh, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Ngọc Bích (2019) cho thấy hầu hết điều dưỡng đều biết về tác nhân gây bệnh viêm gan B là 97,4%, đường lây truyền bệnh qua đường máu là 93,3%, nguồn lây truyền trả lời đúng chiếm 90,2%, mức độ kiến thức chung đạt chiếm 63,5% [4]. Tương đương với kết quả nghiên cứu của Lê Thanh Huyền và Cs (2022), cho thấy sự hiểu biết về bệnh viêm gan vi rút B của sinh viên y khoa về đường lây nhiễm chiếm 89,5%, về tác nhân gây bệnh chiếm 90,3%, mức độ kiến thức đạt của sinh viên là 67,8%[6]. Tại bảng 4 cho thấy: thực hành tuân thủ quy trình khám và điều trị

ở nhân viên y tế còn thấp chiếm 44,0%. Kết quả này tương đương với nghiên cứu của Chu Hải Yến (2017) cũng cho thấy thực hành trong tuân thủ các quy trình chuyên môn của nhân viên y tế chiếm 47,5%[2]. Một số nhân viên y tế còn hạn chế trong thực hành phòng bệnh viêm gan B[2]. Mức độ thực hành chung đạt yêu cầu chiếm 64,25%, chưa đạt chiếm 35,75% (biểu đồ 2). Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Khánh và Cs (2019), đã chỉ ra thực hành đúng về phòng bệnh viêm gan vi rút B của điều dưỡng chiếm 89,5%. Sử dụng bảo hộ lao động khi chăm sóc người bệnh 75,2%[4].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành phòng bệnh viêm gan virus B.

Có mối liên quan giữa kiến thức bệnh viêm gan virus B với tuổi đời (OR=3,7 (2,30-5,98), $p < 0,05$) và tuổi nghề (OR=1,9 (1,22-3,05), $p < 0,05$) của nhân viên y tế, sự khác biệt có ý nghĩa. Như vậy những nhân viên y tế có tuổi đời và tuổi nghề cao thì kiến thức về bệnh viêm gan B tốt hơn so với những người trẻ vì đã có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn để có thể hiểu và phòng tránh hiệu quả hơn. Kết quả này tương đương với kết quả trong báo cáo của Trịnh Thị Ngọc (2020), cho thấy những người có thời gian thâm niên nhiều năm trong ngành thì tỷ lệ nguy cơ lây nhiễm viêm gan B thấp hơn so với những người trẻ mới vào nghề[3]. Tương đương với kết quả nghiên cứu của Phạm Hữu Kiệt, Nguyễn Ngọc Bích (2020) cho thấy nhân viên y tế trên 40 tuổi có nhiều kinh nghiệm và cẩn trọng phòng bệnh viêm gan B hơn so với những nhân viên trẻ tuổi. Tương đương với nghiên cứu của Phạm Thị Thu Hằng và Cs (2019) là có mối liên quan giữa kiến thức với thời gian công tác của nhân viên

y tế với $p < 0,05$ [8]. Tại bảng 6 cho thấy có mối liên quan giữa thực hành phòng bệnh viêm gan vi rút B với tuổi đời ($OR = 3,9$ (2,49-6,21), $p < 0,05$), tuổi nghề ($OR = 1,74$ (1,12-2,68), $p < 0,05$). Kết quả này tương đương với kết quả của Nguyễn Hữu Ấn, Nguyễn Quang Trung (2018), khi đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành phòng bệnh viêm gan B cho thấy kiến thức của sinh viên y khoa có liên quan với thực hành phòng bệnh, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ [7].

5. KẾT LUẬN

Mức độ kiến thức và thực hành chung về phòng chống bệnh viêm gan vi rút B của nhân viên y tế đạt 69,5% và 64,25%. Có mối liên quan giữa kiến thức, thực hành với tuổi đời, tuổi nghề và kiến thức về bệnh viêm gan vi rút B nghề nghiệp, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động truyền thông, đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành phòng chống bệnh viêm gan B cho nhân viên y tế để phòng chống lây nhiễm bệnh hiệu quả.

6. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ, giúp đỡ quý báu của Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn, tỉnh Lào Cai trong quá trình tiếp cận, thu thập số liệu và hoàn thiện đề tài này.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] World Health Organization. Hepatitis B. 27 July 2021; Available from: <https://www.who.int/en/news-room/fact-sheets/detail/hepatitis-b>

[2] Chu Hải Yến, Kiến thức, thực hành phòng chống bệnh viêm gan siêu vi B của nhân viên y tế tại Trung tâm y tế huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Khóa luận tốt nghiệp bác sĩ y học Dự phòng, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017.

[3] Trịnh Thị Ngọc, Tổng quan tình hình viêm gan B tại Việt Nam, báo cáo tại hội nghị gan mật, 2020

[4] Nguyễn Thị Mỹ Khánh, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Ngọc Bích, Kiến thức, thực hành phòng bệnh viêm gan B nghề nghiệp của điều dưỡng lâm sàng, bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre năm 2018, Tạp chí Y học Thực hành (1091), số 3/2019, tr 55-58, 2019

[5] Phạm Hữu Kiệt, Nguyễn Ngọc Bích, Kiến thức, thực hành dự phòng viêm gan virus B nghề nghiệp của Điều dưỡng khoa lâm sàng, bệnh đa khoa trung tâm An Giang năm 2020, Tạp chí Y học Dự phòng 30 (6), tháng 4/2021, 121-130, DOI:10.51403/0868-2836/2020/186

[6] Lê Thanh Huyền, Trịnh Thị Hồng Nhung, Lê Đức Tâm, Nguyễn Đăng Vững, Trần Thị Thanh Thủy, Kiến thức phòng bệnh viêm gan B của sinh viên phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa năm 2021 và một số yếu tố liên quan, 2022, Tạp chí Y học Việt Nam, số 2 tháng 6 năm 2022, tr 92-96, <https://doi.org/10.51298/vmj.v51i2.2764>

[7] Nguyễn Hữu Ấn, Nguyễn Quang Trung, Kiến thức thái độ và thực hành về phòng ngừa lây nhiễm virus viêm gan B, của sinh viên ngành bác sĩ đa khoa hệ chính qui năm cuối đại học y dược TP Hồ Chí Minh năm 2016-2017, (2018), Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, phụ bản tập 22, số 2 năm 2018, tr 118-125.

[8] Thi T Hang Pham, Thuy X Le, Dong T Nguyen, Chau M Luu, Knowledge, attitudes and medical practice regarding hepatitis B prevention and management among healthcare workers in Northern Vietnam, 2019, <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0223733>

[9] Bộ Y tế, Quyết định số 3310/QĐ-BYT, ngày 29/7/2019 về việc ban hành hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh viêm gan vi rút B (2019).